

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 475/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Mạnh D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Mạnh D và chị Bùi Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Mạnh D và chị Bùi Thị T nhất trí thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh D1 và chị T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Bùi Khánh L, sinh ngày 30/10/2009. Khi ly hôn, hai bên thống nhất giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Bùi Khánh L cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh D1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 3.500.000 đồng/tháng (ba triệu năm trăm nghìn đồng/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh D1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung mà không ai cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh Đỗ Mạnh D tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003109, ngày 09/8/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Mừng